

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 8 - 2020

"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Bắc

2. Ông Nguyễn Đức Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hào -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLST - HNGĐ, ngày 06/5/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 Có mặt)

Bị đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

(Hiện tại anh Đ bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh Hà Văn Đ xây dựng gia đình năm 2003, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà chồng được một năm thì vợ chồng ra ở riêng, kinh tế và cuộc sống hoàn toàn độc lập. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ chơi bời, có sử dụng chất ma túy, tôi và gia đình đã khuyên bảo, đến 1-2 năm trở lại đây thì anh Đ thường xuyên sử dụng ma túy. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và có xô xát nhiều lần. Tôi có khuyên bảo anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ không thay đổi. Đến tháng 01/2020 thì anh Đ bị bắt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" hiện anh Đ đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 tới nay không còn quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh Đ có 01 con chung cháu Hà Vân A, sinh ngày 19/12/2003. Hiện nay con chung đang ở với tôi từ khi sống ly thân. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn là anh Hà Văn Đ trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2003, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình tôi. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, có xô xát vài lần. Đến năm 2018 thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ đó tới nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ không còn, chị H xin ly hôn tôi nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị H có một con chung cháu Hà Vân A, sinh ngày 19/12/2003, hiện nay con đang ở với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn tôi nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu toà án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) 01 trích lục khai sinh (bản sao), 02 giấy chứng minh nhân dân (cùng bản sao), 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Hà Văn Đ. Anh Đ không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn và xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét, về tài sản chị không đề nghị Tòa án xem xét. Anh Hà Văn Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn Đ.

+ Về con chung: Giao con chung là Hà Vân A, sinh ngày 19/12/2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Đ xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa do anh đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Hà Văn Đ đăng ký HKTT tại Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Hà Văn Đ vắng mặt và xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn Đ kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ chơi bời, có sử dụng chất ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và có xô xát nhiều lần. Đến tháng 01/2020 anh Đ bị bắt giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vào đầu năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Phía anh Đ cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, có xô xát vài lần. Đến năm 2018 thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ không còn, anh nhất trí ly hôn và xin vắng mặt do anh đang bị bắt tạm giam.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp

nhận đề nghị của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Đ là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh Đ cùng xác định vợ chồng có một con chung Hà Vân A sinh ngày 19/12/2003, hiện nay con chung đang ở với chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh Đ nhất trí đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng do hiện nay anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét. Tại bản khai con chung cháu Hà Vân A đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng xin ở với chị H để tiếp tục đi học vì hiện nay cháu cho rằng chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bố mẹ sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị H, anh Đ và cháu A là phù hợp quy định của pháp luật và hoàn toàn tự nguyện, tại phiên tòa phía chị H cho rằng hiện nay thu nhập của chị đủ đảm bảo trực tiếp nuôi con chung, nguyện vọng của chị H là phù hợp nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp chị Huyền, anh Đ có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét. Về quyền thăm nom con chung anh Đ có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết chị H, anh Đ cùng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Hà Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Hà Vân A, sinh ngày 19/12/2003 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị H, anh Q có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013298 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phú Thịnh;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO NGỌC HÀI